

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2023/HC-PT
Ngày 16 - 6 - 2023
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
không cấp tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;
Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 220/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính không cấp tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 894/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Giang H - Chủ tịch UBND huyện N. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Mai Ngọc Th - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện do ông Nguyễn Văn Tr đại diện trình bày:

Tháng 01/2022, ông Lê Văn L nhận được văn bản số 606/UBND-TD ngày 21/01/2022 của UBND huyện N. Theo nội dung UBND huyện N có nhận được đơn đề ngày 11/11/2020 yêu cầu xem xét giải quyết cấp tái định cư cho ông L. Qua kiểm tra hồ sơ, xem xét nội dung đơn và báo cáo số 1041/BC-TNMT ngày 21/12/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện có ý kiến trường hợp của ông L chỉ bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất người khác do có tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị T và vì ông L không có đất. Mặt khác, hiện nay văn bản số 6038/HD-UBND ngày 03/12/2015 của UBND huyện về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét cấp tái định cư không còn được áp dụng, do đó trường hợp của ông L không đủ điều kiện xét cấp tái định cư theo diện xã hội. Từ những lý do trên, yêu cầu cấp tái định cư của ông L không có cơ sở xem xét. Ông L không đồng ý với văn bản số 606/UBND-TD ngày 21/01/2022 của UBND huyện N vì:

Ngày 18/5/2001, ông Lê Văn L1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay cho ông L phần diện tích 108m², thuộc một phần thửa đất số 187, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 466958 được UBND huyện N cấp ngày 30/7/1997 cho vợ chồng ông Lê Văn L1. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông L tiến hành xây nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m² và nhiều công trình phụ khác trên phần diện tích đất nhận chuyển nhượng. Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L1 với ông L bằng giấy tay nên ngày 12/4/2008, tại Phòng công chứng số 4 tỉnh Đồng Nai, ông L1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L, thửa đất số 17e (cắt thửa 187), tờ bản đồ số 16, diện tích 108m², tọa lạc tại xã Đ, huyện N.

Năm 2009, UBND huyện N thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (thu hồi trắng) để làm Dự án Khu dân cư Đ1 do Công ty B làm chủ đầu tư. Do bị thu hồi trắng, ông L không còn nhà ở, đất ở tại địa phương, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn nên ông L nhiều lần làm đơn yêu cầu xem xét cấp tái định cư. Sau khi nhận đơn, ngày 19/12/2012 UBND xã Đ lập Biên bản xét cấp đất ở diện xã hội cho các hộ dân có nhà trên đất người khác bị thu hồi thuộc Dự án Khu dân cư Đ1 do Công ty B làm chủ đầu tư, trong đó có hộ ông L.

Ngày 29/9/2014, UBND xã Đ có Tờ trình số 58/TTr-UBND về việc xem xét, ra quyết định cấp đất thuộc diện xã hội cho các trường hợp bị giải tỏa thuộc dự án với nội dung UBND xã Đ lập tờ trình kiến nghị UBND huyện, Phòng lao động thương binh xã hội xem xét ra quyết định cấp đất diện xã hội cho các trường hợp giải tỏa 02 hộ, trong đó có hộ ông L. Ngày 23/8/2019, UBND xã Đ ban hành Thông báo số 17/TB-UBND về việc xin cấp tái định cư cho hộ ông L gửi đến UBND huyện N xem xét giải quyết.

Đối chiếu như trình bày trên và căn cứ vào Luật Đất đai thì ông L được cấp 01 suất tái định cư. Việc trả lời như văn bản số 606/UBND-TD ngày 21/01/2022 của UBND huyện N là không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của ông L nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi của UBND huyện N không

chấp nhận cấp 01 suất tái định cư cho ông L là trái pháp luật, buộc UBND huyện N cấp 01 suất tái định cư chính cho ông L theo quy định.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 07/6/2022, người bị kiện trình bày:

Về việc bồi thường hỗ trợ, hỗ trợ: Ngày 15/10/2009, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3519/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.601m² đất của bà Nguyễn Thị T, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 16 (cũ), xã Đ để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty B làm chủ đầu tư. Ngày 16/3/2011, UBND huyện ban hành Quyết định số 1120/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn L (tài sản trên đất bà Nguyễn Thị T) thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty B làm chủ đầu tư với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 33.600.000đ.

Về việc xét cấp tái định cư: Ngày 22/9/2014, ông Lê Văn L có đơn xin đăng ký tái định cư gửi Hội đồng xét tái định cư xã Đ với nội dung ông L có căn nhà trên đất bà Nguyễn Thị T với diện tích 45,57m² thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 16 xã Đ. Sau khi thu hồi làm dự án gia đình ông không còn chỗ ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã, do đó ông đề nghị xem xét cấp tái định cư theo diện xã hội.

Ngày 29/9/2014, Hội đồng xét cấp tái định cư xã Đ có Tờ trình số 58/TTr-UBND đã họp xét tái định cư diện xã hội cho các hộ dân có đất bị thu hồi trong dự án Khu dân cư Đ do Công ty B làm chủ đầu tư. Kết quả Hội đồng xét cấp tái định cư xã Đ đã thống nhất trình UBND huyện, Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội xem xét cấp cho ông Lê Văn L 01 suất tái định cư theo diện xã hội, tuy nhiên hồ sơ của ông L không được giải quyết.

Ngày 28/8/2017, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện có văn bản số 143/LĐ-TBXH thể hiện: Ngày 03/12/2015, UBND huyện ban hành văn bản số 6238/HD-UBND về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét cấp tái định cư cho 07 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trong dự án Khu dân cư Đ1, trong đó có trường hợp của ông Lê Văn L. Do đó, kiến nghị UBND huyện chỉ đạo UBND xã Đ và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh – Chi nhánh N (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện) xem xét và hướng dẫn người dân thực hiện theo đúng quy định tại văn bản số 6238/HD-UBND.

Ngày 23/8/2019, UBND xã Đ có Thông báo số 17/TB-UBND với nội dung ông Lê Văn L không đủ điều kiện cấp suất chính tái định cư theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với lý do ông L xây dựng nhà trên đất nông nghiệp, thời điểm mua đất năm 2008 (không đủ điều kiện tách thửa nhưng Phòng Công chứng số 4 vẫn xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Tuy nhiên, xét thấy hoàn cảnh của ông L khó khăn về chỗ ở, Hội đồng xét tái định cư xã thống nhất trình UBND huyện xem xét cấp cho ông 01 suất tái định cư theo diện xã hội và đã chuyển hồ sơ xin cấp đất cho ông L về UBND huyện, tuy nhiên hồ sơ của ông L không được giải quyết.

Trường hợp của ông L không có đất nên chỉ bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất người khác (tài sản trên đất bà Nguyễn Thị T). Dự án Khu dân cư Đ1 tại xã Đ do Công ty B làm chủ đầu tư đã được UBND huyện phê duyệt năm 2011 và đã giao đất cho

chủ đầu tư thực hiện dự án. Mặt khác, theo văn bản số 6238/HD-UBND ngày 03/12/2015 của UBND huyện về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét cấp tái định cư theo diện xã hội không còn được áp dụng nên trường hợp của ông L không đủ điều kiện xét cấp tái định cư theo diện xã hội.

Từ những cơ sở trên, ngày 21/01/2022 UBND huyện N ban hành Văn bản số 606/UBND-TD về việc xử lý đơn của ông Lê Văn L, ngụ tại ấp P, xã Đ, huyện N với nội dung việc ông L yêu cấp cấp một suất tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/9/2022, ông Mai Ngọc Th người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thực hiện Văn bản số 8808/UBND-CNN về việc thỏa thuận địa điểm cho Công ty Cổ phần B lập dự án đầu tư xây dựng một phần khu dân cư Đ1 tại xã Đ, huyện N; Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường; Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư Đ1 tại xã Đ, huyện N. Ngày 20/11/2009, Hội đồng bồi thường huyện đã phối hợp cùng các đơn vị liên quan đã tiến hành lập biên bản đo đạc, kiểm đếm tài sản của người có tài sản gắn liền với đất, cụ thể: ông L có căn nhà 45,57m² kết cấu cột cây, vách ván và lá, mái tôn nền gạch men, thuộc một phần thửa đất số 187, tờ bản đồ 16 cũ, loại đất trồng lúa, đất của bà Nguyễn Thị T đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 466958, ngày 30/7/1997. Vào ngày 12/4/2008 ông Lê Văn L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất trên được Phòng Công chứng số 04 huyện L chứng thực *(không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai nên ông L không được công nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông L không được bồi thường về đất mà chỉ được bồi thường tài sản được tạo lập trên đất của bà Nguyễn Thị T)*.

Ngày 16/3/2011, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1120/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn L ngụ tại ấp P, xã Đ, huyện N với tổng số tiền bồi thường là 33.600.000 đồng *(ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng)*. Ông L đã nhận tiền bồi thường.

Tại Điều 11 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai “quy định các trường hợp được bố trí tái định cư” thì trường hợp của ông Lê Văn L không đủ điều kiện để xem xét cấp tái định cư. Tuy nhiên, đối với trường hợp của ông Lê Văn L có nhà ở trên đất của người khác bị thu hồi, để đảm bảo an sinh xã hội đối với các trường hợp không đủ điều kiện xét tái định cư, ngày 19/12/2012 UBND xã Đ đã có Biên bản họp xét cấp đất ở diện xã hội cho các hộ dân có nhà ở tạo lập trên đất người khác bị thu hồi thuộc dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Đ1 tại xã Đ, huyện N do Công ty Cổ phần B làm chủ đầu tư, trong đó có trường hợp của ông Lê Văn L được Hội đồng xét tái định cư xã thống nhất đề xuất UBND huyện xét cấp đất ở diện xã hội. Tuy nhiên, ông L không đồng ý cấp đất ở diện xã hội mà ông đề nghị được cấp đất ở suất chính hoặc suất phụ, do đó ông không cung cấp

đơn xin cấp đất ở diện xã hội. Đến ngày 22/9/2014 ông Lê Văn L có đơn xin đất ở diện xã hội gửi Hội đồng xét tái định cư xã Đ.

Ngày 29/9/2014 UBND xã Đ đã có Tờ trình số 58/TTr-UBND về việc xin xem xét, ra quyết định cấp đất diện xã hội cho các trường hợp thuộc dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Đ1 tại xã Đ, huyện N trong đó có trường hợp của ông Lê Văn L.

Ngày 30/11/2015 UBND huyện N có Văn bản số 5976/UBND-VX về việc rà soát đánh giá công tác xét đất ở xã hội trên địa bàn *“trong đó có nội dung chỉ đạo UBND các xã liên hệ Phòng Lao động – Thương binh Xã hội nhận lại sổ hồ sơ đề nghị xét cấp đất ở xã hội nhưng chưa được xem xét. Lý do UBND huyện đang trong quá trình soạn thảo và ban hành quy định mới về đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét cấp đất cho các đối tượng. Sau khi UBND huyện ban hành quy định về quy trình cấp đất ở xã hội sẽ xem xét giải quyết theo đúng quy định”*.

Ngày 03/12/2015, UBND huyện ban hành Hướng dẫn số 6038/HD-UBND về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét cấp tái định cư cho hộ gia đình, các nhân bị thu hồi đất khi thực hiện dự án trên địa bàn huyện N. Theo quy định tại điểm c khoản 3 Hướng dẫn này thì trường hợp của ông Lê Văn L không đủ điều kiện để Hội đồng xem xét cấp đất ở diện xã hội.

Ngày 24/8/2017, UBND huyện N có Văn bản số 5594/UBND-TN về việc xử lý bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu dân cư tại xã Đ do Công ty Cổ phần B làm chủ đầu tư *“trong đó có nội dung Giao UBND xã Đ rà soát lại tất cả các trường hợp hộ dân đề nghị cấp tái định cư để thông qua Hội đồng xét tái định cư cấp xã xem xét, giải quyết dứt điểm (lưu ý: hiện nay không còn giải quyết tái định cư diện xã hội). Đối với các trường hợp không đủ điều kiện phải có văn bản trả lời cho dân theo quy định.*

Ngày 23/8/2019, UBND xã Đ có Thông báo số 17/TB-UBND về việc xin cấp tái định cư của ông Lê Văn L ngụ tại ấp P, xã Đ, do quy định hiện hành không còn phù hợp nên trường hợp của ông Lê Văn L không được xem xét giải quyết.

Ngày 11/11/2020, ông Lê Văn L có đơn khiếu nại đề nghị UBND huyện cấp 01 suất tái định cư phụ thuộc dự án Khu dân cư Đ1 do Công ty Cổ phần B làm chủ đầu tư. Ngày 21/01/2022, UBND huyện ban hành Văn bản số 606/UBND-TD về việc xử lý đơn của ông Lê Văn L ngụ tại ấp P, xã Đ *“với nội dung trả lời yêu cầu cấp tái định cư của ông Lê Văn L là không có cơ sở xem xét”*.

Vì vậy, đối với nội dung ông Lê Văn L đề nghị Tòa tuyên hành vi của UBND huyện N không chấp nhận cấp 01 suất tái định cư cho ông L là trái pháp luật kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận đối với đề nghị của ông Lê Văn L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định như sau:

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L đối với Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai về hành vi không cấp đất tái định cư cho ông Lê Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Lê Văn L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L; buộc Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện cấp đất tái định cư cho ông Lê Văn L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ông L không có đất bị thu hồi nên chỉ được bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất. Ông L không đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn L làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Năm 2001, ông Lê Văn L nhận chuyển nhượng (bằng giấy tay) từ ông Lê Văn L1 diện tích đất 108m², cắt thửa 187 tờ bản đồ số 16 (cũ) xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai, đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 466958 do UBND huyện N cấp ngày 30/7/1997, mục đích sử dụng là đất trồng lúa. Ngày 12/4/2008, ông L1 (theo ủy quyền của bà T) và ông L lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích đất trên và được Văn phòng Công chứng số 4 tỉnh Đồng Nai chứng nhận. Tuy nhiên, diện tích đất các bên chuyển nhượng là đất trồng lúa không đủ điều kiện tách thửa nên không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông L xây căn nhà cấp 4 diện tích 45,57m² và công trình phụ trên đất để sử dụng.

Ngày 15/10/2009, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3519/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.601m² của bà Nguyễn Thị T, thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 16 (cũ) xã Đ, huyện N để thực hiện dự án Dự án xây dựng Khu dân cư do Công ty B làm chủ đầu tư. Trong diện tích đất bị thu hồi này có phần diện tích 108m² ông L nhận chuyển nhượng từ bà T.

Tại biên bản đo đạc, kiểm kê tài sản của người có tài sản gắn liền với đất ngày 20/11/2009 của UBND xã Đ có ông L chứng kiến và ký tên thể hiện tài sản của ông L trên đất bị thu hồi do bà T đứng tên gồm căn nhà cấp 4, công trình phụ, chuồng gà, điện kè, giếng nước và cây trồng trên đất. Ngày 16/3/2011, UBND huyện N ban hành

Quyết định số 1120/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho ông Lê Văn L với tổng kinh phí bồi thường là 33.600.000đ, ông L không có khiếu nại gì về việc bồi thường hỗ trợ tài sản. Ngày 05/6/2011, ông L có đơn xin xem xét giải quyết tái định cư nhưng không được Hội đồng tư vấn xét cấp tái định cư của UBND huyện N không xét cấp vì ông L chỉ có tài sản trên đất người khác là bà Nguyễn Thị T.

Như vậy, ông L chỉ có tài sản trên đất người khác bị thu hồi là bà Nguyễn Thị T nên UBND huyện N chỉ ban hành quyết định thu hồi đất của bà T và bồi thường giá trị đất cho bà T, không ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông L và chỉ bồi thường giá trị tài sản của ông L trên đất của bà T là đúng theo quy định tại các Điều 9, 42 và 43 của Luật Đất đai 2003; Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và Điều 11 Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Do không là người sử dụng đất, có đất bị thu hồi và bố trí tái định cư theo quy định nên ngày 29/9/2014, ông L gửi đơn xin cấp đất ở theo diện xã hội. Ngày 29/9/2014, UBND xã Đ đã có Tờ trình số 58/TTr-UBND về việc xin xem xét, ra quyết định cấp đất diện xã hội cho các trường hợp thuộc dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Đ1 tại xã Đ, huyện N trong đó có trường hợp của ông Lê Văn L.

Ngày 03/12/2015, UBND huyện N có ban hành Hướng dẫn số 6938/HD-UBND hướng dẫn về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét cấp tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn huyện N. Tại điểm c mục 3 phần II của hướng dẫn này quy định hộ gia đình, cá nhân đang có nhà ở trên đất người khác khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện giao đất tái định cư, thực sự khó khăn về nhà ở, thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo do Phòng Lao động – Thương binh và xã hội xác nhận được giao một lô đất ở trong khu tái định cư nếu đủ các điều kiện sau: Có nhà ở ổn định và hộ khẩu thường trú tại khu đất bị thu hồi trước khi có quy hoạch sử dụng đất được công bố của cơ quan có thẩm quyền hoặc trước khi có thông báo thu hồi đất ít nhất 01 năm trở lên; Có quan hệ có đất bị thu hồi trong phạm vi cha mẹ, anh chị em ruột; Có giấy tờ tặng, cho ở nhờ trên đất của người có đất bị thu hồi trước thời điểm công bố quy hoạch được UBND xã nơi có đất bị thu hồi xác nhận. Ông L cũng không có đủ điều kiện này.

Ngày 23/8/2019, UBND xã Đ có Thông báo số 17/TB-UBND về việc xin cấp tái định cư của ông L không được xem xét giải quyết. Ngày 11/11/2020, ông L có đơn khiếu nại đề nghị UBND huyện cấp 01 suất tái định cư phụ thuộc dự án Khu dân cư Đ1 do Công ty cổ phần B làm chủ đầu tư. Ngày 21/01/2022, UBND huyện ban hành Văn bản số 606/UBND- TD về việc xử lý đơn của ông L, nội dung trả lời yêu cầu cấp tái định cư của ông không có cơ sở xem xét.

Căn cứ các quy định pháp luật và diễn biến quá trình giải quyết đơn xin cấp tái định cư của ông L viện dẫn nêu trên, việc UBND huyện N không cấp tái định cư cho ông L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là phù hợp. Kháng cáo của ông Lê Văn L không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2022/HC-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L đối với Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai về hành vi không cấp đất tái định cư cho ông Lê Văn L.

Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000224 ngày 25/3/2022 và số 0000556 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông Lê Văn L đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- ĐS (2);
- Lưu VP(3), HS(2).12b.TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy